TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/2022
V/v *"Xin ly hôn và nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Hằng**
Bà **Hà Thị Kim Thu**

***Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 299/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/7/2022 về việc "*Xin ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 27/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị C**, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: tổ 22, Kp S, TT S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Anh **Danh Đ**, sinh năm 1983 (Vắng mặt).
Địa chỉ: tổ 22, Kp S, TT S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Thị C trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Thị C và anh Danh Đ tự tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT S, huyện H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy ngày 06/01/2009. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng ý kiến, thường cãi vã, không ai quan tâm đến

ai. Hiện nay chị C và anh Đ đang sống ly thân nhau. Nay chị C yêu cầu được ly hôn với anh Danh Đ.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị C và anh Đ có 02 người con chung tên Thị Ngọc H, sinh năm 2011 và Danh Thanh H, sinh năm 2014 hiện nay đang ở với chị C. Ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của bị đơn anh Danh Đ:* Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh Đ vẫn vắng mặt. Do đó, không có lời khai của anh Danh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Thị C thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Kp S, TT S, huyện H nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Danh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Thị C và anh Danh Đ là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND TT S, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2009. Quá trình chung sống giữa chị C và anh Đ phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường hay cãi vã và không quan tâm lẫn nhau. Chị C và anh Đ hiện đang sống ly thân nhau. Nay chị Thị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, Đ sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Danh Đ.

Xét yêu cầu của chị C Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh Đ không còn khả năng đoàn tụ vì theo chị C trình bày thì giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm; đồng thời trong thời gian sống

ly thân anh chị cũng không liên lạc hay quan tâm gì đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, Đ sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị C được ly hôn với anh Danh Đ là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Có 02 người con chung tên Thị Ngọc H, sinh năm 2011 và Danh Thanh H, sinh năm 2014 hiện nay đang ở với chị C. Ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì phải xem xét toàn diện mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần đối với sự phát triển của con chung sau này. Do đó, việc giao cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu H là hoàn toàn phù hợp. Bởi vì hiện nay cháu H và cháu H đang do chị C nuôi dưỡng kể từ khi anh chị sống ly thân với nhau cho đến nay. Đồng thời, trong bản tự khai ngày 09/9/2022 thì cháu H và cháu H đều có nguyện vọng được ở với mẹ (chị C) sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thị C. Giao cháu Thị Ngọc H, sinh năm 2011 và Danh Thanh H, sinh năm 2014 cho chị Thị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong đơn khởi kiện chị C yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi dưỡng hai người con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 09/9/2022 chị C trình bày chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Chị C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Chị C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

- *Về nợ chung:* Chị C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về án phí hôn nhân và gia đình:* Chị Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị C về việc xin ly hôn với anh Danh Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị C được ly hôn với anh Danh Đ.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Thị Ngọc H, sinh năm 2011 và Danh Thanh H, sinh năm 2014 cho chị Thị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Thị C không yêu cầu anh Danh Đ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Trong thời gian chị Thị C nuôi con, anh Danh Đ có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008030, ngày 04/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị C không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho chị Thị C và anh Danh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND TT Sóc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Quốc Chiến